TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/DS-ST
Ngày: 17-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Út

2. Bà Nguyễn Thị Bích Phượng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Trần Tấn Huy –Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Vào ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 315/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971

Địa chỉ: ấp Đ xã T, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Ngô Thị Kim N1, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp Đ xã T huyện C, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1986

Địa chỉ: ấp Đ xã T huyện C, tỉnh Long An.

(bà N*, bà* N1 *có mặt, ông* L *vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N *trình bày:*

Bà và bà Ngô Thị Kim N1 là chỗ quen biết do ở cùng địa phương.

Vào ngày 09/5/2019 âm lịch bà có cho bà N1 vay số tiền 40.000.000 đồng, khi vay không có làm giấy tay, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả nhưng có thỏa thuận khi nào bà cần tiền, bà sẽ thông báo cho bà N1 trả, thời gian thông báo 01 tháng.

Vào ngày 25/12/2019 âm lịch bà có cho bà N1 vay số tiền 30.000.000 đồng, khi vay không có làm giấy tay, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả nhưng có thỏa thuận khi nào bà cần tiền, bà sẽ thông báo cho bà N1 trả, thời gian thông báo 01 tháng.

Sau khi vay bà N1 có trả tiền lãi cho bà nhưng cụ thể bao nhiêu bà không nhớ.

Đến ngày 02/8/2020 dương lịch bà N1 có làm giấy mượn tiền nội dung ngày 09/5/2019 âm lịch có mượn của bà 40.000.000 đồng và ngày 25/12/2019 âm lịch có mượn của bà 30.000.000 đồng, tổng cộng là 70.000.000 đồng, bà N1 hứa trả tiền lãi cho bà mỗi tháng.

Tuy nhiên bà N1 không trả cho bà bất cứ khoản tiền lãi nào. Bà cũng nhiều lần yêu cầu bà N1 trả lại tiền gốc cho bà nhưng bà N1 không trả. Ngày 05/5/2023 bà có gửi cho bà N1 Thông báo đòi nợ để yêu cầu bà N1 thanh toán cho bà số tiền 70.000.000 đồng, thời gian trả 30 ngày nhưng bà N1 không thực hiện.

Do đó nay bà khởi kiện yêu cầu cá nhân bà N1 có trách nhiệm hoàn trả cho bà số tiền vay 70.000.000 đồng và tiền lãi 42.994.000 đồng (lãi suất 1,66%/tháng, tính từ ngày 25/3/2020 âm lịch đến ngày nộp đơn khởi kiện). Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Ngô Thị Kim N1 *trình bày:*

Bà và bà Nguyễn Thị N là chỗ quen biết do ở cùng địa phương.

Vào ngày 09/5/2019 âm lịch bà có vay của bà N số tiền 40.000.000 đồng, khi vay không có làm giấy tay, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả nhưng có thỏa thuận khi nào bà N cần tiền, bà N sẽ thông báo cho bà trả, thời gian thông báo 01 tháng.

Vào ngày 25/12/2019 âm lịch bà có vay của bà N số tiền 30.000.000 đồng, khi vay không có làm giấy tay, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, không thỏa thuận thời

gian trả nhưng có thỏa thuận khi nào bà N cần tiền, bà N sẽ thông báo cho bà trả, thời gian thông báo 01 tháng.

Sau khi vay bà có trả tiền lãi cho bà N nhưng cụ thể bao nhiêu bà không nhớ, mỗi lần trả tiền lãi thì không có làm biên nhận gì, chỉ có bà N ghi vào sổ tay của bà N.

Đến ngày 02/8/2020 dương lịch bà có làm giấy mượn tiền nội dung ngày 09/5/2019 âm lịch có mượn của bà N 40.000.000 đồng và ngày 25/12/2019 âm lịch có mượn của bà N 30.000.000 đồng, tổng cộng là 70.000.000 đồng, bà có hứa trả tiền lãi cho bà mỗi tháng.

Sau khi làm giấy tay, bà có trả cho bà N tiền lãi đến tháng 7/2021 thì ngưng do dịch.

Bà N có gửi Thông báo đòi nợ ngày 05/5/2023 để yêu cầu bà thanh toán cho bà N số tiền 70.000.000 đồng, thời gian trả 30 ngày nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên không có tiền trả cho bà N.

Số tiền bà vay của bà N dùng để choàng hụi cho hụi viên, chồng bà – Nguyễn Văn L, sinh năm: 1986, địa chỉ: ấp Đ xã T huyện C, tỉnh Long An – không biết gì về việc bà vay mượn tiền, bà cũng không mang số tiền vay này về sử dụng trong gia đình. Số tiền lãi đã trả bà không yêu cầu điều tiết.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà N thì bà đồng ý là còn nợ bà N số tiền 70.000.000 đồng, cá nhân bà đồng ý hoàn trả số tiền 70.000.000 đồng cho bà N nhưng xin trả dần mỗi tháng 300.000 đồng, còn tiền lãi thì xin không trả vì hiện hoàn cảnh giá đình gặp khó khăn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L *trình bày:*

Ông là chồng bà Ngô Thị Kim N1, hiện hôn nhân còn tồn tại. Việc bà N1 vay mượn tiền của bà N, ông không biết, bà N1 cũng không mang số tiền vay về chi tiêu trong gia đình. Trong vụ kiện này ông không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Vụ án được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành. Tòa án nhân dân huyện C đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị N giữ nguyên yêu cầu buộc bà Ngô Thị Kim N1 có trách nhiệm hoàn trả cho bà số tiền gốc vay là 70.000.000 đồng và 30.000.000 đồng tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An – ông Nguyễn Thanh P - *phát biểu quan điểm như sau:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự trong vụ án đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Toà án triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông Nguyễn Văn L là phù hợp.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự, Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 đề nghị giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị N, cụ thể: Bà Ngô Thị Kim N1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vay là 70.000.000 đồng và tiền lãi 30.000.000 đồng tổng cộng 100.000.000 đồng, trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Về án phí: bị đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu bà Ngô Thị Kim N1 có trách nhiệm hoàn trả số tiền vay là 70.000.000 đồng và tiền lãi 42.994.000 đồng làm phát sinh quan hệ tranh chấp hợp đồng vay thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự. Căn cứ theo yêu cầu của đương sự xác định quan hệ pháp luật "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Bà N1 cư trú tại ấp Đ, xã T, huyện C, tỉnh Long An. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện C giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 205 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng kết quả không thành. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa vắng mặt ông Nguyễn Văn L nhưng ông L có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông L.

Tại phiên tòa bà N thay đổi 01 phần yêu cầu khởi kiện: yêu cầu bà N1 có trách nhiệm hoàn trả số tiền gốc vay là 70.000.000 đồng và tiền lãi 30.000.000 đồng.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu bà Ngô Thị Kim N1 có trách nhiệm hoàn trả số tiền vay 70.000.000 đồng. Xét lời trình bày và yêu cầu của bà N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Vào ngày 09/5/2019 âm lịch bà N có cho bà N1 vay số tiền 40.000.000 đồng. Vào ngày 25/12/2019 âm lịch bà có cho bà N1 vay số tiền 30.000.000 đồng, cả 02 lần vay không có làm giấy tay, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả nhưng có thỏa thuận khi nào bà N cần tiền, bà N sẽ thông báo cho bà N1 trả, thời gian thông báo 01 tháng.

Sau khi vay bà N1 có trả tiền lãi cho bà N nhưng cụ thể bao nhiêu các bên đương sự không nhớ.

Đến ngày 02/8/2020 dương lịch bà N1 và bà N có làm giấy mượn tiền nội dung ngày 09/5/2019 âm lịch có mượn của bà N 40.000.000 đồng và ngày 25/12/2019 âm lịch có mượn của bà N 30.000.000 đồng, tổng cộng là 70.000.000 đồng, bà N1 hứa trả tiền lãi cho bà N mỗi tháng.

Ngày 05/5/2023 bà N có gửi cho bà N1 "Thông báo đòi nợ" để yêu cầu bà N1 thanh toán cho bà N số tiền 70.000.000 đồng, thời gian trả 30 ngày nhưng bà N1 không thực hiện.

Theo yêu cầu khởi kiện của bà N trình bày thì bà N1 cũng thừa nhận còn nợ bà N số tiền 70.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà N1 xin trả dần mỗi tháng 300.000 đồng, trước đề nghị xin trả dần của bà N1, bà N không đồng ý. Xét thấy, pháp luật chưa quy định về việc trả dần, bà N1 yêu cầu trả dần nhưng bà N không đồng ý nên không công nhận cho bà N1 trả dần. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào giấy mượn tiền và lời thừa nhận nợ của bà N1 buộc bà N1 trả cho bà N số tiền vay gốc 70.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà N chỉ yêu cầu cá nhân bà N1 có trách nhiệm hoàn trả số tiền 70.000.000 đồng, bà N1 trình bày cá nhân bà sẽ có trách nhiệm hoàn trả số tiền trên cho bà N nên Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ liên đới.

Về phần tiền lãi: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà N1 không yêu cầu điều tiết lại phần tiền lãi đã trả nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi 1 phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu số tiền lãi 30.000.000 đồng, tính từ ngày 02/8/2020 đến ngày 05/6/2023, mức lãi 1,66%/tháng trên số tiền vay 70.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà N và bà N1 làm giấy vay tiền vào ngày 02/8/2020 dương lịch, vay có lãi, thỏa thuận tiền lãi trả hàng tháng. Bà N trình bày sau khi vay, bà N1 không có trả tiền lãi cho bà N, bà N1 trình bày bà có trả tiền lãi cho bà N đến tháng 7/2021 tuy nhiên lời trình bày của bà N1 không được bà N thừa nhận và bà N1 cũng không

cung cấp được chứng cứ trả lãi cho bà N. Vào ngày 05/5/2023 bà N có gửi "Thông báo đòi nợ", thời hạn trả nợ là 30 ngày (ngày 05/6/2023). Căn cứ khoản 2 Điều 469 thì bên cho vay được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản, thời điểm nhận lại tài sản được xác định là ngày 05/6/2023. Do đó xác định thời điểm tính tiền lãi là từ ngày 02/8/2020 đến ngày 05/6/2023.

Về mức lãi suất, các bên trình bày lãi suất thoả thuận là 5%, vượt quá quy định nên căn cứ khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi trên nợ gốc không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, xác định mức lãi suất là (1,66%/tháng).

Vậy tiền lãi của bà N được tính từ ngày cho vay 02/8/2020 đến ngày 05/6/2023 là 33 tháng 03 ngày x 1,66% x 70.000.000 đồng = 38.462.000 đồng.

Tuy nhiên bà N chỉ yêu cầu bà N1 trả số tiền lãi 30.000.000 đồng, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà N và có lợi cho bà N1 nên ghi nhận.

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bà Ngô Thị Kim N1 có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền là vay 70.000.000 đồng và tiền lãi 30.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 100.000.000 đồng.

[4] Lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An là có cơ sở.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: bà Ngô Thị Kim N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, 228, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 465, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" đối với bà Ngô Thị Kim N1.

Buộc bà Ngô Thị Kim N1 có trách nhiệm hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền vay 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) và 30.000.000 đồng tiền lãi (tính từ ngày 02/8/2020 đến 05/6/2023).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Ngô Thị Kim N1 phải nộp 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 2.825.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0005654 ngày 19/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An,
- VKSND huyện C,
- Chi cục THA huyện C,
- Các đương sự,
- Lưu HS,
- Lưu án văn.

Ngô Thị Thùy Diễm